

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr - BNV

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

Dự thảo

TỜ TRÌNH

Về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Phạm Bình Minh tại Văn bản số 6823/VPCP-TCCV ngày 12/10/2022 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài chính, UBND thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng và các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng theo trình tự, thủ tục rút gọn và gửi Bộ Tư pháp thẩm định. Căn cứ ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại Văn bản số ngày.../.../2021, Bộ Nội vụ đã hoàn thiện dự thảo Nghị định.

Bộ Nội vụ kính trình Chính phủ như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

Căn cứ Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27/11/2019 về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội, Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16/11/2020 về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh, Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19/6/2020 về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng của Quốc hội khóa XIV, ngày 29/3/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 32/2021/NĐ-CP, Nghị định số 33/2021/NĐ-CP, Nghị định số 34/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành các Nghị quyết nêu trên. Theo đó, việc tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại 03 thành phố được thực hiện ngay từ đầu nhiệm kỳ 2021-2026 (từ ngày

01/7/2021)¹. Quá trình thực hiện đến nay cho thấy tổ chức bộ máy và hoạt động của chính quyền địa phương quận, phường nơi không tổ chức HĐND đã đi vào ổn định, hoạt động nhanh nhạy, thông suốt, chủ động hơn, điều hành và quyết định kịp thời hơn những vấn đề cấp bách trên địa bàn, góp phần thực hiện tốt các nhiệm vụ của chính quyền đô thị.

Tuy nhiên, cùng với những kết quả đạt được, quá trình triển khai thi hành Nghị định số 32/2021/NĐ-CP, Nghị định số 33/2021/NĐ-CP và Nghị định số 34/2021/NĐ-CP đã bộc lộ những bất cập, khó khăn, vướng mắc, chưa phù hợp với thực tiễn, cần được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung. Cụ thể như sau:

1. Về cơ cấu tổ chức của UBND quận, phường

Nghị định số 32/2021/NĐ-CP, Nghị định số 33/2021/NĐ-CP và Nghị định số 34/2021/NĐ-CP quy định về cơ cấu tổ chức của UBND quận, UBND phường gồm Trưởng Công an quận, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự quận, Trưởng Công an phường là chưa phù hợp (các chức danh này không phải là công chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và không được quy định tại các Nghị quyết của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị).

2. Về cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường

Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng kiến nghị việc sử dụng, quản lý và chế độ, chính sách đối với cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường vẫn thực hiện theo quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP và Nghị định số 34/2019/NĐ-CP (là cán bộ cấp xã) là chưa phù hợp khi công chức phường đã được chuyển thành công chức thuộc biên chế của UBND quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố, dẫn đến phát sinh vướng mắc trong việc tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị ở phường, gây tâm tư của cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường.

3. Về số lượng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách

Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh đề xuất giao địa phương được chủ động quy định số lượng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở phường và tổ dân phố trên cơ sở thực tiễn của địa phương, với lý do dân số tại các phường của thành phố quá đông, khối lượng các công việc ở phường thường quá tải trong khi số lượng và chế độ phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách theo quy định chung còn quá thấp so với yêu cầu công việc và mức thu nhập bình quân dân cư trên địa bàn.

¹ Thành phố Hà Nội thực hiện không tổ chức HĐND đối với 175 phường, Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện không tổ chức HĐND đối với 16 quận và 249 phường; thành phố Đà Nẵng thực hiện không tổ chức HĐND đối với 06 quận và 45 phường.

4. Về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức làm việc tại UBND quận, phường

a) Về biên chế công chức phường: Hiện nay, Nghị định số 32/2021/NĐ-CP, Nghị định số 33/2021/NĐ-CP và Nghị định số 34/2021/NĐ-CP quy định biên chế công chức phường bình quân là 15 người, số bình quân này được tính cho tổng số phường của từng quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố. Quy định này dẫn đến 03 thành phố không chủ động điều chỉnh được số lượng biên chế công chức phường giữa các quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố, trong khi quy mô dân số của các phường có độ giãn cách rất lớn² và khối lượng công việc không đồng đều giữa các phường. Do đó, các thành phố đề xuất số bình quân này được tính cho tổng số phường của toàn thành phố và giao cho thành phố được quyền quyết định để có cơ sở điều chỉnh số lượng biên chế công chức phường giữa các quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố cho phù hợp.

Ngoài ra, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị xác định số lượng biên chế công chức phường theo quy mô dân số để đáp ứng yêu cầu quản lý của những phường có dân số lớn. Theo số liệu báo cáo từ địa phương tính đến 31/12/2021, Thành phố Hồ Chí Minh có 90/249 phường có dân số từ 30.000 người trở lên, trong đó có 21 phường có dân số trên 50.000 người đến 75.000 người, 12 phường có dân số trên 75.000 người đến 100.000 người và 03 phường có dân số trên 100.000 người. Dân số trung bình của một phường tại Thành phố Hồ Chí Minh là hơn 28.000 người. Trong khi đó, theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính thì tiêu chuẩn dân số của phường thuộc quận là 15.000 người. Vì vậy, thực tiễn bố trí số lượng công chức phường bình quân 15 biên chế/phường là không đủ để đáp ứng yêu cầu giải quyết công việc trên địa bàn, gây áp lực lớn đối với các phường có quy mô dân số đông. Theo đó, Thành phố Hồ Chí Minh đề xuất phương án tăng số lượng biên chế công chức phường như sau: Phường có từ 30.000 dân trở xuống thì biên chế công chức phường là 17 người, có trên 30.000 dân thì cứ thêm 15.000 dân được thêm 01 biên chế.

b) Về tiêu chuẩn của công chức phường:

Hiện nay, công chức làm việc tại UBND phường thuộc biên chế UBND quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố; việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và Nghị định số 138/2020/NĐ-CP của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức. Tuy nhiên, tiêu chuẩn của chức danh công chức cấp xã thực hiện theo quy định

² Thành phố Hà Nội: Phường có dân số thấp nhất là 5.057 người (phường Phan Chu Trinh thuộc quận Hoàn Kiếm, cao nhất là 82.891 người (phường Hoàng Liệt thuộc quận Hoàng Mai).

Thành phố Đà Nẵng: Phường có dân số thấp nhất là 7.597 người (phường Nam Dương thuộc quận Hải Châu), cao nhất là 65.187 người (phường Hòa Minh thuộc quận Liên Chiểu).

Thành phố Hồ Chí Minh: Phường có dân số thấp nhất là 1.215 người (phường An Lợi Đông thuộc thành phố Thủ Đức), cao nhất là 125.894 người (phường Bình Hưng Hòa A thuộc quận Bình Tân).

tại Nghị định số 112/2011/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP), trong khi tiêu chuẩn của công chức (từ cấp huyện trở lên) theo quy định tại Nghị định số 138/2020/NĐ-CP được xác định theo tiêu chuẩn ngạch công chức dẫn tới vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện.

c) Về bổ nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND phường và Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự phường:

Thực tiễn tại 03 thành phố có nhiều trường hợp nhân sự dự kiến để bổ nhiệm các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND phường và Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự phường chưa phải là công chức (nhân sự dự kiến bổ nhiệm đang là người hoạt động không chuyên trách ở phường) và không thuộc các trường hợp được tiếp nhận vào làm công chức quy định theo tại Nghị định số 138/2020/NĐ-CP nên các địa phương gặp khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện quy trình tuyển dụng công chức và quy trình bổ nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND phường và Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự phường.

d) Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức làm việc tại UBND quận, thành phố thuộc thành phố, UBND phường (tại Điều 30 Nghị định số 33/2021/NĐ-CP về Thành phố Hồ Chí Minh và Điều 27 Nghị định số 34/2021/NĐ-CP về thành phố Đà Nẵng) chưa rõ ràng và chưa phù hợp về thẩm quyền, cụ thể là: Đối với công chức làm việc tại UBND phường thì Nghị quyết của Quốc hội quy định thẩm quyền thuộc Chủ tịch UBND quận, thành phố thuộc thành phố; trong khi đối với công chức quận, thành phố thuộc thành phố thì thẩm quyền thuộc UBND thành phố (theo quy định tại Điều 39 của Luật Cán bộ, công chức).

đ) Về quy định chuyển tiếp Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND quận từ chức danh cán bộ sang thực hiện chức danh công chức lãnh đạo: Nghị định về Thành phố Hồ Chí Minh và Nghị định về thành phố Đà Nẵng chưa quy định, do đó cần bổ sung quy định này.

e) Về việc tính thời gian giữ chức vụ của Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND quận, phường trước ngày 01/7/2021:

Khoản 2 Điều 42 Nghị định số 33/2021/NĐ-CP về Thành phố Hồ Chí Minh quy định “Thời gian giữ chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch quận, phường trước ngày 01 tháng 7 năm 2021 được tính vào thời gian giữ chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch quận, phường quy định tại các khoản 1,2 Điều 32 của Nghị định này”. Quy định này chỉ phù hợp với chức danh Chủ tịch UBND quận, phường mà không phù hợp đối với chức danh Phó Chủ tịch UBND quận, phường. Do đó cần sửa đổi cho phù hợp và thống nhất với Nghị định về thành phố Hà Nội và Nghị định về thành phố Đà Nẵng.

g) Điều 27 Nghị định số 34/2021/NĐ-CP về thành phố Đà Nẵng quy định việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức là không phù hợp vì việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức

thực hiện theo quy định của Luật Viên chức. Đồng thời, việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

5. Về tài chính ngân sách tại quận, thành phố thuộc thành phố

Theo ý kiến của Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng, khi thực hiện tổ chức mô hình chính quyền đô thị thì UBND quận, phường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị dự toán ngân sách (không còn là cấp ngân sách có nguồn thu kết dư, chi khác, dự phòng...). Vì vậy, UBND quận, phường không còn sự chủ động trong công tác điều hành các nhiệm vụ phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội và gặp nhiều khó khăn trong việc đảm bảo kịp thời nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ cấp bách, quan trọng về quốc phòng, an ninh, phòng, chống, khắc phục thiên tai, dịch bệnh và các nhiệm vụ phát sinh đột xuất. Trong khi đó, UBND quận, phường vẫn là đơn vị quản lý địa bàn dân cư nên phát sinh rất nhiều nhiệm vụ chi đột xuất, không thể dự kiến đầy đủ khi xây dựng dự toán ngân sách hàng năm. Trường hợp phát sinh nhiệm vụ khẩn cấp mà chưa được bố trí trong dự toán hoặc trong năm phát sinh việc điều chỉnh dự toán giữa các lĩnh vực chi thì UBND quận phải đề xuất UBND, HĐND thành phố xem xét, giải quyết, dẫn đến các địa phương không thể kịp thời, chủ động trong công tác điều hành kinh tế - xã hội (đặc biệt là các nhiệm vụ cấp bách), ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương. Theo đó, Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng đề xuất cho phép UBND quận có một số cơ chế quản lý tài chính ngân sách, gồm: Được dự phòng ngân sách như cấp ngân sách và được thực hiện giao, quản lý, điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách của đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc.

Ngoài ra, theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước thì ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ. Tuy nhiên, thành phố Thủ Đức được định hướng trở thành đô thị thông minh, là nơi chuyển giao công nghệ mới, mở rộng áp dụng các dịch vụ và sản phẩm công nghệ 4.0 cho các tỉnh vùng Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ. Mặt khác, tại Điều 15 Nghị định số 33/2021/NĐ-CP đã quy định các cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố Thủ Đức có Phòng Khoa học và Công nghệ. Vì vậy, để đạt được mục tiêu đề ra và phù hợp với cơ cấu tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh kiến nghị cho phép áp dụng cơ chế đặc thù đối với ngân sách thành phố Thủ Đức là được giao nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ.

6. Về một số chức năng, nhiệm vụ của chính quyền địa phương

a) Nhiệm vụ an ninh, quốc phòng:

Nghị định về Thành phố Hồ Chí Minh quy định UBND Thành phố tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh ở thành phố thuộc Thành phố

(thành phố Thủ Đức) và phường thuộc thành phố Thủ Đức là chưa phù hợp với Nghị quyết của Quốc hội và quy định của pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương³. Ngoài ra, theo ý kiến Bộ Quốc phòng và Bộ Công an cần bổ sung một số nội dung về nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, an ninh và sửa đổi về thẩm quyền cho phù hợp.

b) Thực hiện thẩm quyền của HĐND quận, HĐND phường quy định tại các văn bản pháp luật chuyên ngành:

Một số văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành có quy định việc UBND quận, UBND phường phải trình HĐND cùng cấp thông qua trước khi trình cấp trên xem xét, quyết định (như: Đề án thành lập, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính; quy hoạch chi tiết khu chức năng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất,...). Tuy nhiên, các Nghị quyết của Quốc hội và các Nghị định của Chính phủ về tổ chức mô hình chính quyền đô thị đều không quy định nội dung này dẫn đến khó khăn trong thực hiện tại các thành phố thực hiện tổ chức mô hình chính quyền đô thị (do không còn tổ chức HĐND quận, phường).

7. Về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của HĐND quận, HĐND phường, UBND phường ban hành trước ngày 01/7/2021 và thể thức văn bản quy phạm pháp luật của UBND quận, thể thức văn bản hành chính của UBND quận, UBND phường

a) Các Nghị quyết của Quốc hội và 03 Nghị định của Chính phủ về tổ chức mô hình chính quyền đô thị chưa có quy định về thẩm quyền bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của HĐND quận, HĐND phường (ban hành trước ngày 01/7/2021) khi chính quyền địa phương ở quận, phường không tổ chức HĐND từ ngày 01/7/2021 và văn bản quy phạm pháp luật của UBND phường (ban hành trước ngày 01/7/2021) khi UBND phường không có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật từ ngày 01/7/2021.

b) Nghị định số 33/2021/NĐ-CP về Thành phố Hồ Chí Minh và Nghị định số 34/2021/NĐ-CP về thành phố Đà Nẵng chưa có quy định hướng dẫn cụ thể về thể thức văn bản quy phạm pháp luật của UBND quận; 03 Nghị định chưa có quy định hướng dẫn cụ thể về thể thức văn bản hành chính của UBND quận, UBND phường, dẫn đến các địa phương gặp nhiều vướng mắc trong triển khai thực hiện.

³Nghị quyết của Quốc hội quy định UBND thành phố Thủ Đức tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh tại phường thuộc thành phố Thủ Đức (điểm c khoản 1 Điều 7). Đối với thành phố Thủ Đức (vẫn tổ chức HĐND), Nghị quyết không giao Chính phủ hướng dẫn mà thực hiện theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các văn bản pháp luật liên quan (do UBND thành phố Thủ Đức thực hiện).

8. Về việc viện dẫn điều khoản của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Nghị định số 33/2021/NĐ-CP về Thành phố Hồ Chí Minh và Nghị định số 34/2021/NĐ-CP về thành phố Đà Nẵng đã viện dẫn chưa chính xác một số điều khoản của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cần phải sửa đổi cho phù hợp.

II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM SỬA ĐỔI, BỔ SUNG 03 NGHỊ ĐỊNH

1. Mục tiêu

Việc sửa đổi, bổ sung 03 Nghị định nhằm sửa đổi những quy định không phù hợp với các Nghị quyết của Quốc hội về chính quyền đô thị; kịp thời giải quyết, khắc phục những bất cập, vướng mắc, khó khăn phát sinh từ thực tiễn tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại 03 thành phố trong thời gian vừa qua.

2. Quan điểm

a) Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

b) Thực hiện nguyên tắc một Nghị định sửa nhiều Nghị định (03 Nghị định) do có các nội dung tương đồng.

III. NỘI DUNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Tên của dự thảo Nghị định

Tên của dự thảo Nghị định là “Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng”.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định gồm 05 Điều (sửa đổi, bổ sung 08 điều của Nghị định số 32/2021/NĐ-CP; sửa đổi, bổ sung 15 điều của Nghị định số 33/2021/NĐ-CP; sửa đổi, bổ sung 11 điều của Nghị định số 34/2021/NĐ-CP), cụ thể như sau:

2.1. Điều 1 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2021/NĐ-CP; Điều 2 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 33/2021/NĐ-CP và Điều 3 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 34/2021/NĐ-CP. Nội dung sửa đổi, bổ sung các Nghị định như sau:

a) Về cơ cấu tổ chức của UBND quận, phường

Sửa đổi 03 Nghị định theo hướng bỏ các chức danh Trưởng Công an quận, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự quận trong cơ cấu tổ chức của

UBND quận; bỏ chức danh Trưởng Công an phường trong cơ cấu tổ chức của UBND phường.

b) Về cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường

Để thống nhất trong quản lý, sử dụng cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường với công chức làm việc tại UBND phường, đề xuất sửa đổi, bổ sung tại 03 Nghị định những nội dung sau:

- Quy định biên chế, sử dụng, quản lý và chế độ, chính sách đối với cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường do UBND quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố quản lý, sử dụng (việc bầu cử cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường vẫn thực hiện theo quy định của Đảng, điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội và quy định của pháp luật liên quan).

- Quy định liên thông giữa cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường với công chức ở phường và công chức từ cấp quận trở lên. Theo đó, người được bầu giữ chức vụ cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường khi thôi đảm nhiệm chức vụ (không trong thời hạn xử lý kỷ luật) thì được xem xét, tiếp nhận vào làm công chức phường hoặc công chức từ cấp quận trở lên nếu đủ điều kiện, tiêu chuẩn của chức danh, vị trí công chức đó theo quy định.

c) Về số lượng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách

Sửa đổi, bổ sung 03 Nghị định theo hướng 03 thành phố được chủ động quy định số lượng, chế độ, chính sách của người hoạt động không chuyên trách ở phường và ở tổ dân phố trên cơ sở tình hình thực tiễn và cân đối ngân sách của địa phương.

d) Về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức quận, phường:

(1) Số lượng biên chế công chức phường của 03 thành phố được xác định theo quy mô dân số của phường. Cụ thể như sau:

- Đối với phường thuộc quận, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương: có từ 30.000 dân trở xuống thì được tính 15 biên chế công chức; có trên 30.000 dân đến 50.000 dân thì được tính 16 biên chế công chức; có trên 50.000 dân đến 70.000 dân thì được tính 17 biên chế công chức; có trên 70.000 dân đến 90.000 dân thì được tính 18 biên chế công chức; có trên 90.000 dân đến 110.000

dân thì được tính 19 biên chế công chức; có trên 110.000 dân thì được tính 20 biên chế công chức⁴.

- Đối với phường thuộc thị xã: có từ 10.000 dân trở xuống thì được tính 15 biên chế công chức; có trên 10.000 dân đến 17.000 dân thì được tính 16 biên chế công chức; có trên 17.000 dân đến 24.000 dân thì được tính 17 biên chế công chức; có trên 24.000 dân đến 31.000 dân thì được tính 18 biên chế công chức; có trên 31.000 dân đến 38.000 dân thì được tính 19 biên chế công chức; có trên 38.000 dân thì được tính 20 biên chế công chức⁵.

(Dân số để tính số lượng biên chế công chức phường nêu trên được xác định theo quy định của pháp luật về phân loại đơn vị hành chính).

Với việc xác định biên chế công chức phường theo quy mô dân số nêu trên thì tổng biên chế công chức phường của 03 thành phố theo tính toán bước đầu dự kiến tăng 208 biên chế so với quy định hiện nay (tính trung bình 15 biên chế/phường). Tuy nhiên, khi thực hiện tổ chức mô hình chính quyền đô thị và tiến hành sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019-2021 tại 03 thành phố đã giảm khoảng 700 biên chế cán bộ, công chức phường do không còn 469 cán bộ phường là Phó Chủ tịch HĐND phường; giảm số lượng Chủ tịch HĐND phường trước đó đã được các thành phố bố trí hoạt động chuyên trách và giảm được khoảng 170 cán bộ, công chức cấp xã (trong đó có các phường trực thuộc) sau khi sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.

(2) Căn cứ vào tổng số biên chế công chức phường của 03 thành phố được xác định nêu trên, UBND các thành phố trình HĐND cùng cấp phân bổ tổng số lượng biên chế công chức phường của từng quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố.

Căn cứ vào tổng số biên chế công chức phường được HĐND thành phố phân bổ và yêu cầu, nhiệm vụ của từng phường, UBND quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố quyết định giao cụ thể số lượng biên chế công chức làm việc tại UBND mỗi phường trực thuộc cho phù hợp (không hạn chế số lượng tối thiểu và tối đa công chức của phường nhưng không được vượt quá tổng số biên chế công chức phường được phân bổ).

(3) Tiêu chuẩn chức danh công chức làm việc tại UBND phường: Bổ sung 03 Nghị định theo hướng quy định UBND thành phố có thẩm quyền quy định cụ thể tiêu chuẩn các chức danh công chức làm việc tại UBND phường đảm bảo phù hợp với tiêu chuẩn của công chức từ cấp quận trở lên.

(4) Việc tuyển dụng, bổ nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND phường và Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự phường: Bổ sung 03 Nghị định theo hướng

⁴ Theo số liệu báo cáo của 03 thành phố đến ngày 31/12/2021 chỉ có 01 phường (Phường Bình Hưng Hòa A thuộc quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh) có dân số 125.894 người (trên 110.000 người).

⁵ Theo số liệu báo cáo của thành phố Hà Nội đến ngày 31/12/2021 chỉ có 02 phường thuộc thị xã Sơn Tây (Phường Xuân Khanh và phường Trung Hưng) có dân số trên 10.000 người nhưng dưới 17.000 dân.

quy định trường hợp không phải là công chức thì quyết định bổ nhiệm đồng thời là quyết định tuyển dụng công chức.

(5) Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 33/2021/NĐ-CP về Thành phố Hồ Chí Minh và Nghị định số 34/2021/NĐ-CP về Đà Nẵng theo hướng làm rõ thẩm quyền trong tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức quận, phường⁶ (Điều 30 Nghị định số 33/2021/NĐ-CP và Điều 27 Nghị định số 34/2021/NĐ-CP); bổ sung quy định về chuyển tiếp Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND quận từ chức danh cán bộ sang công chức lãnh đạo (Điều 42 Nghị định số 33/2021/NĐ-CP và Điều 38 Nghị định số 34/2021/NĐ-CP).

(6) Bổ sung vào 03 Nghị định nội dung quy định về việc thực hiện chế độ hợp đồng đối với một số loại công việc tại UBND phường nhằm đáp ứng yêu cầu giải quyết một số công việc ở phường. Cơ sở của việc bổ sung quy định này là khi thực hiện tổ chức mô hình chính quyền đô thị thì UBND phường là cơ quan hành chính của UBND quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố (giống như phòng, ban chuyên môn của UBND quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố).

đ) Bổ sung một số nội dung về lĩnh vực tài chính ngân sách quận, thành phố thuộc thành phố

Thành phố Hồ Chí Minh đề xuất quận, thành phố thuộc thành phố có một số cơ chế quản lý tài chính ngân sách đặc thù. Cụ thể: chính quyền quận được dự phòng ngân sách như cấp ngân sách và được thực hiện giao, quản lý, điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách của đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc; chính quyền thành phố Thủ Đức được giao nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ. Bộ Tài chính cho rằng các nội dung đề xuất nêu trên chưa phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết của Quốc hội về tổ chức mô hình chính quyền đô thị. Tuy nhiên, hiện nay Thành phố Hồ Chí Minh đang báo cáo, đề xuất Chính phủ trình Quốc hội xem xét, ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24/11/2017 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (trong đó có nội dung đề xuất một số cơ chế quản lý tài chính đặc thù nêu trên). Vì vậy, trong khi chưa có chủ trương sửa đổi các Nghị quyết của Quốc hội về tổ chức mô hình chính quyền đô thị, để kịp thời giải quyết những vướng mắc, bất cập và để thống nhất khi thực hiện tổ chức mô hình chính quyền đô thị, Bộ Nội vụ đề xuất sửa đổi, bổ sung những nội dung về cơ chế tài chính đặc thù đối với quận, thành phố thuộc thành phố như đề xuất của Thành phố Hồ Chí Minh tại Nghị định số 33/2021/NĐ-CP về Thành phố Hồ Chí Minh và Nghị định số 34/2021/NĐ-CP về thành phố Đà Nẵng (Nghị định số 32/2021/NĐ-CP về thành phố Hà Nội không bổ sung nội dung này vì tại thành phố Hà Nội, quận có tổ chức HĐND nên vẫn là một cấp ngân sách).

⁶ Đối với thành phố Hà Nội, Nghị định số 32/2021/NĐ-CP đã quy định rõ Chủ tịch UBND quận, thị xã thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức làm việc tại UBND phường (Khoản 1 Điều 19).

e) Về một số chức năng, nhiệm vụ của chính quyền địa phương

- Về nhiệm vụ an ninh, quốc phòng: Tại Nghị định số 33/2021/NĐ-CP về Thành phố Hồ Chí Minh, sửa đổi theo hướng tách quy định này thành 02 điều riêng: 01 điều quy định về quận và phường thuộc quận; 01 điều quy định về phường thuộc thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh (thành phố Thủ Đức). Đồng thời, tại 03 Nghị định có sửa đổi, bổ sung một số nội dung về nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, an ninh như ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

- Về thực hiện thẩm quyền của HĐND quận, HĐND phường quy định tại các văn bản pháp luật chuyên ngành:

Bổ sung tại điều khoản chuyển tiếp của 03 Nghị định như sau: Đối với nhiệm vụ theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương và các luật chuyên ngành phải trình HĐND phường thông qua trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định thì UBND phường trình UBND quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; đối với những nhiệm vụ phải trình HĐND quận thông qua trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định thì UBND quận trình UBND thành phố để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

g) Về thẩm quyền bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của HĐND quận, HĐND phường, UBND phường ban hành trước ngày 01/7/2021; thể thức văn bản quy phạm pháp luật của UBND quận và thể thức văn bản hành chính của UBND quận, UBND phường.

- Bổ sung thẩm quyền bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của HĐND quận, HĐND phường và UBND phường (ban hành trước ngày 01/7/2021) theo hướng: Đối với văn bản quy phạm pháp luật của HĐND quận, HĐND phường thuộc quận do HĐND thành phố bãi bỏ; đối với văn bản quy phạm pháp luật của HĐND phường thuộc thị xã, thành phố thuộc thành phố do HĐND thị xã, thành phố thuộc thành phố bãi bỏ; đối với văn bản quy phạm pháp luật của UBND phường do Chủ tịch UBND quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố bãi bỏ.

- Bổ sung quy định về thể thức văn bản quy phạm pháp luật của UBND quận tại Nghị định số 33/2021/NĐ-CP về Thành phố Hồ Chí Minh và Nghị định số 34/2021/NĐ-CP về Đà Nẵng theo hướng thực hiện theo quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).

- Bổ sung quy định về thể thức văn bản hành chính của UBND quận, UBND phường tại 03 Nghị định theo hướng thực hiện theo quy định của Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

g) Sửa đổi, bổ sung một số quy định khác tại Nghị định số 33/2021/NĐ-CP về Thành phố Hồ Chí Minh và Nghị định số 34/2021/NĐ-CP về Đà Nẵng để bảo đảm chính xác, thống nhất.

- Nghị định số 33/2021/NĐ-CP về Thành phố Hồ Chí Minh: Bỏ cụm từ “Phó Chủ tịch” và “khoản 1” tại khoản 2 Điều 42; sửa cụm từ “Ban thuộc Hội đồng nhân dân” thành “Ban của Hội đồng nhân dân” tại Điều 4.

- Nghị định số 34/2021/NĐ-CP về Đà Nẵng: Bỏ nội dung về viên chức tại Điều 27.

- Sửa đổi điều khoản dẫn chiếu Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật tại Nghị định số 33/2021/NĐ-CP về Thành phố Hồ Chí Minh và Nghị định số 34/2021/NĐ-CP về thành phố Đà Nẵng cho chính xác.

2.2. Điều 4 và Điều 5 quy định về hiệu lực và trách nhiệm thi hành. Trong đó, để tạo chủ động, linh hoạt cho các địa phương, dự thảo Nghị định giao UBND thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng ban hành quy chế làm việc và mối quan hệ công tác giữa UBND, Chủ tịch UBND phường với tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở phường.

IV. TIẾP THU VÀ GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại Công văn số ... ngày ... tháng ... năm 2022 (kèm theo), Bộ Nội vụ xin tiếp thu và giải trình như sau:

1. Những nội dung tiếp thu

.....

2. Những nội dung giải trình

.....

V. NHỮNG NỘI DUNG XIN Ý KIẾN THÀNH VIÊN CHÍNH PHỦ

Trong quá trình xây dựng và lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức và Nhân dân về dự thảo Nghị định, đến nay vẫn còn có.....vấn đề có ý kiến khác nhau. Bộ Nội vụ xin ý kiến các Thành viên Chính phủ như sau:

.....

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng, Bộ Nội vụ kính trình Chính phủ xem xét, quyết định (dự thảo Nghị định và hồ sơ gửi kèm theo)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà;
- Thứ trưởng Nguyễn Duy Thăng;
- Lưu: VT, CQĐP.

BỘ TRƯỞNG

Phạm Thị Thanh Trà